

**Bài tập Trắc nghiệm Unit 9 Phonetics and Speaking****Question 1:** A. deplete B. editor C. effect D. pesticide**Hiện thị đáp án****Đáp án: A**

Giải thích: Đáp án A phát âm là /ɪ/ các đáp án còn lại phát âm là /e/

**Question 2:** A. aquatic B. chemical C. damage D. mass**Hiện thị đáp án****Đáp án: B**

Giải thích: Đáp án B phát âm là /ə/ các đáp án còn lại phát âm là /æ/

**Question 3:** A. polar B. global C. ecosystem D. pollute**Hiện thị đáp án****Đáp án: D**

Giải thích: Đáp án D phát âm là /ə/ các đáp án còn lại phát âm là /əʊ/

**Question 4:** A. organic B. protect C. solution D. editor**Hiện thị đáp án****Đáp án: A**

Giải thích: Đáp án A phát âm là /ɔ:/ các đáp án còn lại phát âm là /ə/

**Question 5:** A. fuel B. destruction C. bulky D. running**Hiện thị đáp án****Đáp án: A**

Giải thích: Đáp án A phát âm là /ju/ các đáp án còn lại phát âm là /ʌ/

**Question 6:** A. confuse B. debut C. pollution D. fuel

**Hiện thị đáp án****Đáp án: C**

Giải thích: Đáp án C phát âm là /u:/ các đáp án còn lại phát âm là /ju/

**Question 7:** A. chemical B. change C. discharge D. choose**Hiện thị đáp án****Đáp án: A**

Giải thích: Đáp án A phát âm là /k/ các đáp án còn lại phát âm là /tʃ/

**Choose the letter A, B, C or D the word that has different stress pattern from others.****Question 8:** A. confuse B. degrade C. damage D. deplete**Hiện thị đáp án****Đáp án: A**

Giải thích: Đáp án A trọng âm thứ 1, các đáp án còn lại trọng âm thứ 2

**Question 9:** A. editor B. article C. aquatic D. depletion**Hiện thị đáp án****Đáp án: B**

Giải thích: Đáp án B trọng âm thứ 1, các đáp án còn lại trọng âm thứ 2

**Question 10:** A. global B. greenhouse C. pollute D. sewage**Hiện thị đáp án****Đáp án: C**

Giải thích: Đáp án C trọng âm thứ 2, các đáp án còn lại trọng âm thứ 1

**Question 11:** A. solution B. pollutant C. pesticide D. organic**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: C**

Giải thích: Đáp án C trọng âm thứ 1, các đáp án còn lại trọng âm thứ 2

**Question 12:** A. influence    B. depletion    C. protection    D. confusing

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: A**

Giải thích: Đáp án A trọng âm thứ 1, các đáp án còn lại trọng âm thứ 2

**Question 13:** A. chemical    B. destruction    C. editor    D. influence

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: B**

Giải thích: Đáp án B trọng âm thứ 2, các đáp án còn lại trọng âm thứ 1

**Question 14:** A. protect    B. preserve    C. polar    D. effect

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: C**

Giải thích: Đáp án C trọng âm thứ 1, các đáp án còn lại trọng âm thứ 2

**Question 15:** A. vegetation    B. inorganic    C. preservation    D. historical

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: D**

Giải thích: Đáp án D trọng âm thứ 2, các đáp án còn lại trọng âm thứ 3

**Bài tập Trắc nghiệm Unit 9 Vocabulary and Grammar**

**Question 1:** He promised to call \_\_\_\_\_ I have never heard from him again.

A. but    B. except    C. although    D. because

**Hiện thị đáp án****Đáp án: A**

Giải thích: but nói 2 vế tương phản

Dịch: Anh ta hứa sẽ gọi nhưng tôi chưa từng nghe từ anh ta lần nữa.

**Question 2:** Let's \_\_\_\_\_ water by turning off tapes when not using.

A. save    B. to save    C. saving    D. saved

**Hiện thị đáp án****Đáp án: A**

Giải thích: let + V nguyên thể: hãy cùng làm gì

Dịch: Hãy cùng tiết kiệm nước bằng cách tắt vòi khi không sử dụng.

**Question 3:** I \_\_\_\_\_ in the lounge for ten minutes.A. was told waiting    B. was told to wait  
C. was telling to be waited    D. was told to be waited**Hiện thị đáp án****Đáp án: B**

Giải thích: câu trúc bị động của tell sb to do st =&gt; sb bt told to do st: được bảo làm gì

Dịch: Tôi được báo ngồi đợi trong phòng chờ trong vòng 5 phút.

**Question 4:** If you ask \_\_\_\_\_ people, they will tell you the way to Gobi Highlands.

A. national    B. clothing    C. local    D. generous

**Hiện thị đáp án****Đáp án: C**

Giải thích: local: thuộc về địa phương

Dịch: Nếu bạn hỏi người dân bản địa, họ sẽ chỉ bạn đường đến cao nguyên Gobi.

**Question 5:** My mother told me she \_\_\_\_\_ very tired since she came back from a visit to our grandparents.

A. was    B. had been    C. is    D. has been

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: B**

Giải thích: HTHT since QKD, câu gián tiếp.

Dịch: Mẹ tôi kể với tôi rằng bà đã rất mệt kể từ khi trở về từ nhà ông bà.

**Question 6:** They realised that they \_\_\_\_\_ their way in the dark.

A. had lost    B. lose    C. lost    D. was lost

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: B**

Giải thích: câu gián tiếp: QKD lùi về QKHT

Dịch: Họ nhận ra họ đã đi lạc trong bóng tối.

**Question 7:** Up to now, the teacher \_\_\_\_\_ our class five tests.

A. gives    B. is giving    C. has given    D. had given

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: C**

Giải thích: vì đầu câu có “up to now” nên động từ phải chia hiện tại hoàn thành.

Dịch: Cho tới bây giờ, cô giáo đã cho chúng tôi làm 5 bài kiểm tra.

**Question 8:** What did you have for \_\_\_\_\_ breakfast this morning?

A. x    B. a    C. an    D. the

**Hiện thị đáp án****Đáp án: A**

Giải thích: cấu trúc have st for breakfast: ăn món gì cho bữa sáng

Dịch: Sáng nay bạn ăn gì?

**Question 9:** “Do you know that beautiful lady over there?” - “Yes, that’s Victoria. She’s \_\_\_\_\_ in her group.”

A. more beautiful than any girl    B. more beautiful than any other girl

C. so beautiful as other girl    D. beautiful more than another girl

**Hiện thị đáp án****Đáp án: A**

Giải thích: câu so sánh hơn: more adj than any N = the most adj: ...nhất

Dịch: “Bạn có biết quý cô xinh đẹp đằng kia không?” “Có, đó là Victoria. Cô ấy xinh đẹp hơn bất kì ai trong nhóm.”

**Question 10:** Both fossil fuel \_\_\_\_\_ non-renewable resources are very important to our life.

A. or    B. and    C. for    D. with

**Hiện thị đáp án****Đáp án: B**

Giải thích: cấu trúc both...and...: cả...và...

Dịch: Cả nhiên liệu hoá thạch và các nguồn năng lượng tái sinh là cực quan trọng với đời sống chúng ta.

**Question 11:** Tom is watching TV now. So\_\_\_\_\_.

A. does Mary    B. Mary    C. is Mary    D. Mary does

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: C**

Giải thích: lời nói phụ hoạ trong câu khẳng định: so + trợ động từ + S.

Dịch: Tom đang xem TV, Mary cũng vậy.

**Question 12:** - Lisa: "Have you been able to reach Peter?" - Gina:  
"\_\_\_\_\_."

A. That's no approval    B. Yes, I've known him for years

C. No, the line is busy    D. It's much too high

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: C**

Giải thích: ở câu hỏi ta có reach sb: là liên lạc được với ai, nên xét các đáp án chỉ thấy đáp án c phù hợp về nghĩa "the lien is busy: máy bận.

Dịch: Lisa: "Bạn có liên lạc được với Peter chưa?"

Dina: Không, máy cậu ấy cứ bận suốt.

**Question 13:** Recycling is a good way of \_\_\_\_\_ the environment

A. protecting    B. damaging    C. destroying    D. editing

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: A**

Giải thích: protect the environment: bảo vệ môi trường

Dịch: Tái chế là 1 cách tốt để bảo vệ môi trường.

**Question 14:** What about \_\_\_\_\_ the solution together this afternoon?

A. find    B. finding    C. to find    D. to finding

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: B**

Giải thích: cấu trúc what about + Ving: hãy cùng... dùng khi gợi ý cùng làm gì

Dịch: Chúng ta cùng tìm ra giải pháp vào chiều nay nhé?

**Question 15:** If you had caught the bus, you \_\_\_\_\_ late for work.

A. wouldn't have been    B. would have been

C. wouldn't be    D. would be

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: A**

Giải thích: câu điều kiện loại 3, mệnh đề điều kiện động từ chia ở thời quá khứ hoàn thành, mệnh đề chính động từ chia theo công thức would have been PII.

Dịch: Nếu bạn bắt xe bus, bạn đã không bị muộn làm.

**Bài tập Trắc nghiệm Unit 9 Reading**

**Read the passage below and decide whether the statements are TRUE or FALSE?**

Many environmental problems seem so big that only governments, local authorities or big companies can deal with them. One example is global warming. We need government action to reduce emissions from coal and oil burning power stations and to develop safer sources of power. These require tough regulations and huge investment. The loss of forests and other habitat is another problem. How can we as individuals stop the destruction of the Amazon or Indonesian rain forests? Yet another example is waste. When people live in cities, they may not be able store or recycle waste, so huge landfills or incinerators are needed.

However, as consumers, we are the ones responsible for all these problems. First of all, we all need to consume less power. We need to turn off lights, replace inefficient bulbs with low-power ones, and not leave equipment on standby. Secondly, we need to control our surging populations. Each of us can make a decision regarding family size. This has a huge impact on the size of our cities and the need for food and more agricultural land. In addition, we need to consider eating less meat and more vegetables and fruit, in order to reduce the amount of land needed for meat. Generally, the main step we need to take is to live more simply. We need to reduce our consumption, recycle, and reuse.



**Question 1:** The government's role is to reduce emissions and develop safer sources of energy.

A. True    B. False

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: A**

Giải thích: Dựa vào câu: "We need government action to reduce emissions from coal and oil burning power stations and to develop safer sources of power."

Dịch: Chúng ta cần chính phủ hành động để giảm thiểu khí thải từ nhà máy năng lượng than đá và khí đốt và phát triển nguồn năng lượng an toàn hơn.

**Question 2:** When people live in cities, they may be able store or recycle waste.

A. True    B. False

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: B**

Giải thích: Dựa vào câu: "When people live in cities, they may not be able store or recycle waste, so huge landfills or incinerators are needed."

Dịch: Khi con người sống ở các thành phố, họ sẽ không thể lưu trữ hay tái chế rác thải, vì thế mà những khu bãi rác lớn.

**Question 3:** We have no responsibility for the problem.

A. True    B. False

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: B**

Giải thích: Dựa vào câu: "However, as consumers, we are the ones responsible for all these problems."

Dịch: Tuy nhiên, là người tiêu dùng, chúng ta là những người phải chịu trách nhiệm cho vấn đề.

**Question 4:** Turning off lights and equipment, and using low power bulbs helps to save electricity.

A. True    B. False

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: A**

Giải thích: Dựa vào câu: “We need to turn off lights, replace inefficient bulbs with low-power ones, and not leave equipment on standby”.

Dịch: Chúng ta cần tắt đèn, thay bóng điện không hiệu quả với bóng điện tiết kiệm năng lượng, và không để các thiết bị điện ở chế độ chờ.

**Question 5:** Family size is natural and we can do nothing about it.

A. True    B. False

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: B**

Giải thích: Dựa vào câu: “Secondly, we need to control our surging populations. Each of us can make a decision regarding family size.”.

Dịch: Thứ 2, chúng ta cần điều khiển dân số đang tăng lên. Mỗi người chúng ta có thể đưa ra 1 quyết định liên quan đến số người trong gia đình.

**Choose the letter A, B, C or D to complete the passage below**

Sometimes people forget how we depend \_\_\_\_\_ (6) nature and environment surrounding us. We spend mindlessly \_\_\_\_\_ (7) resources given by nature and believe that they are unlimited. Over the last millennia the population on the planet grew immensely and our needs increase with every year. We achieved great breakthrough in industry \_\_\_\_\_ (8) other fields of production. But this growth resulted in poor environmental conditions. It seems that every achievement and advancement only \_\_\_\_\_ (9) damage to nature.

We \_\_\_\_\_ (10) natural resources thoughtlessly for many years. Once we exhausted one resource we started to use up another alternative. Have you ever thought what our life will be when coal and oil will come to the end? Plug-in hybrid vehicles are good solutions for the fuel crisis to come.

**Question 6:** A. in B. on C. for D. with

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: B**

Giải thích: depend on st: phụ thuộc vào cái gì

Dịch: Thịnh vượng con người quên chúng ta phụ thuộc như thế nào vào thiên nhiên và môi trường quanh ta.

**Question 7:** A. the B. a C. x D. an

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: A**

Giải thích: the + danh từ đã xác định

Dịch: Chúng ta sử dụng mà không suy nghĩ các tài nguyên được thiên nhiên ban tặng và tin rằng chúng không giới hạn.

**Question 8:** A. so B. but C. and D. or

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: C**

Giải thích: and nối 2 vế câu tương đồng về nghĩa và chức năng

Dịch: Chúng ta có được những thành tựu lớn ở công nghiệp và các lĩnh vực sản xuất khác.

**Question 9:** A. make B. have C. get D. do

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: D**

Giải thích: cụm từ “do damage to sb/ st”: làm hại ai/ cái gì

Dịch: Có vẻ như những tiến bộ và thành tựu ấy chỉ có làm hại thiên nhiên.

**Question 10:** A. use    B. used    C. are using    D. have been using

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: D**

Giải thích: câu chia thời hiện tại hoàn thành vì có mốc thời gian “for”

Dịch: Chúng ta đã và đang sử dụng tài nguyên thiên nhiên vô lo vô nghĩ trong nhiều năm.

**Choose the letter A, B, C or D to answer these following questions**

Nature gave us all necessary resources to live and prosper. Now it is in danger and needs our help. What else we can do to protect environment? First of all this decisions must be made on governmental level and provide legal limitations for industries that emit a lot of greenhouse gases. We must unite together in order to protect the place we live in. People are an integral part of nature, we are dependent of it as we cannot imagine our life without nature. So why to destroy environment and bite the hand that feeds you? We must stop deforestation and plant trees on cut down areas. Trees are natural filter of air that absorb carbon dioxide and produce oxygen. Cutting down trees we deprive animals of their natural environment and the soil begin to grow in erosion. Planting trees will save birds and other animals.

We often make forced choices that are advertised on TV. Manufacturers try to rise their profits and sell more products. Sometimes we have so many unnecessary things we do not use. Imagine that you are moving your house, what are the necessary items you may need to live, only several bags. In reality the matter is opposite. There are a lot of things we do not use. People have to reconsider their views of life and promote healthy and ecologically friendly lifestyle. It is up to us to change situation for better and leave good legacy for generations to come.

**Question 11:** What is in danger and need our help?

A. people    B. water    C. nature    D. weather

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: C**

Giải thích: Dựa vào câu: “Nature gave us all necessary resources to live and prosper. Now it is in danger and needs our help.”.

Dịch: Nhiên nhiên ban tặng chúng ta tất cả tài nguyên cần thiết để sống và phát triển. Thiên nhiên đang gặp nguy hiểm và cần sự hỗ trợ của chúng ta.

**Question 12:** Are we dependent on nature?

A. Yes we are    B. No, we're not

**Hiển thị đáp án**

**Đáp án: A**

Giải thích: Dựa vào câu: "We must unite together in order to protect the place we live in. People are an integral part of nature, we are dependent of it as we cannot imagine our life without nature."

Dịch: Chúng ta phải kết hợp cùng nhau để bảo vệ nơi ta sống. Chúng ta là 1 phần quan trọng của tự nhiên, chúng ta phụ thuộc vào tự nhiên vì chúng ta không thể tưởng tượng cuộc sống mà không có tự nhiên.

**Question 13:** Why should we plant trees?

A. To save animals    B. To sell woods

C. To deforest    D. To prevent flood

**Hiển thị đáp án**

**Đáp án: A**

Giải thích: Dựa vào câu: "Planting trees will save birds and other animals."

Dịch: Trồng cây sẽ bảo vệ chim chóc và các động vật khác.

**Question 14:** What do the writer take moving house as an example for?

A. We move house so many times.

B. We have so many unnecessary things we do not use.

C. We waste money so much.

D. We use all the thing that we buy.

**Hiện thị đáp án****Đáp án: B**

Giải thích: Dựa vào câu: “Sometimes we have so many unnecessary things we do not use. Imagine that you are moving your house, what are the necessary items you may need to live, only several bags.”.

Dịch: Thỉnh thoảng chúng ta có nhiều thứ mà chúng ta chẳng dùng. Tưởng tượng bạn chuyển nhà, mấy thứ bạn cần là gì? Chỉ vài cái túi thôi.

**Question 15:** What do people have to reconsider?

- A. their views of life
- B. promote healthy lifestyle.
- C. promote ecologically friendly lifestyle.
- D. all are correct

**Hiện thị đáp án****Đáp án: B**

Giải thích: Dựa vào câu: “People have to reconsider their views of life and promote healthy and ecologically friendly lifestyle.”.

Dịch: Con người phải cân nhắc lại quan điểm sống và thúc đẩy lối sống khoẻ mạnh và thân thiện với hệ sinh thái.

**Bài tập Trắc nghiệm Unit 9 Writing**

**Question 1:** What/ most/ important/ volunteer activity/ our area?

- A. What is most important volunteer activity in our area?
- B. What is most important volunteer activity at our area?
- C. What is the most important volunteer activity at our area?
- D. What is the most important volunteer activity in our area?

**Hiện thị đáp án****Đáp án: D**

Giải thích: câu so sánh nhất với tính từ dài “the + most + adj”

Dịch: Đây là hoạt động tình nguyện quan trọng nhất ở khu bạn sống?

**Question 2:** The second/ priority/ train/ young people/ job application skills.

- A. The second priority is training young people for job application skills.
- B. The second priority is to train young people for job application skills.
- C. The second priority is train young people for job application skills.
- D. The second priority is to training young people for job application skills.

**Hiện thị đáp án****Đáp án: A**

Giải thích: sau to be là Ving

Dịch: Ưu tiên thứ 2 là đào tạo thể hệ trẻ kĩ năng xin việc làm.

**Question 3:** He/ see/ advertisement/ the Youth Newspaper/ February 22th.

- A. He saw the advertisement in the Youth Newspaper in February 22th.
- B. He saw advertisement in the Youth Newspaper in February 22th.
- C. He saw advertisement in the Youth Newspaper on February 22th.
- D. He saw the advertisement in the Youth Newspaper on February 22th.

**Hiện thị đáp án****Đáp án: D**

Giải thích: on + tháng + ngày: vào ngày...

Dịch: Anh ấy xem được quảng cáo trên tờ Tuổi Trẻ vào ngày 22 tháng 2.

**Question 4:** He/ be/ creative, patient/ and/ have/ great love/ children.

- A. He is creative, patient and has great love on children.
- B. He is creative, patient and has great love with children.
- C. He is creative, patient and has great love of children.
- D. He is creative, patient and has great love for children.

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: D**

Giải thích: have great love for sb: yêu thích ai

Dịch: Anh ấy sáng tạo, kiên nhẫn và rất yêu trẻ.

**Question 5:** I/ can/ send/ you/ references/ the Director of the Happy Mind Charity Centre.

- A. I can send you the references from the Director of the Happy Mind Charity Centre.
- B. I can send you the references to the Director of the Happy Mind Charity Centre.
- C. I can send you a references from the Director of the Happy Mind Charity Centre.
- D. I can send you a references to the Director of the Happy Mind Charity Centre.

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: C**

Giải thích: cấu trúc send sb st: gửi cho ai cái gì

Dịch: Tôi có thể gửi cho ông thư giới thiệu của giám đốc trung tâm Happy Mind.

**Rearrange the sentences to make meaningful sentences**

**Question 6:** late/go/now/home/should/you/ it's/and



- A. It's you should go late and home now.
- B. It's late you and should go home now.
- C. It's late and you should go home now.
- D. It's should go home and you late now

**Hiện thị đáp án****Đáp án: C**

Giải thích: Đáp án C hợp nghĩa

Dịch: Muộn rồi và bạn nên về nhà sớm bây giờ.

**Question 7:** give/the present/tomorrow/we/him/will

- A. Tomorrow we will give him the present.
- B. We will tomorrow give hime present the.
- C. Tomorrow we give will hime the present.
- D. Tomorrow we will give the present him.

**Hiện thị đáp án****Đáp án: C**

Giải thích: Đáp án A hợp nghĩa

Dịch: Ngày mai chúng tôi sẽ đưa cho anh ấy món quà.

**Question 8:** have/at the station/her/we/just met

- A. We just have met her at the station.
- B. We have just met her at the station.
- C. We have met just her at the station.
- D. We have just her met at the station.

**Hiện thị đáp án****Đáp án: B**

Giải thích: Đáp án B hợp nghĩa

Dịch: Chúng tôi vừa gặp cô ấy ở nhà ga

**Question 9:** he/unhealthy/was/last week/./he/in hospital/looks

- A. He looks in hospital. He was unhealthy last week.
- B. He unhealthy. He was looks in hospital last week.
- C. He looks unhealthy. He was in hospital last week.
- D. He looks unhealhy.He was hospital in last week.

**Hiện thị đáp án****Đáp án: C**

Giải thích: Đáp án C hợp nghĩa

Dịch: Anh ấy trông không được khỏe lắm. Anh ấy đã vào bệnh viện từ tuần trước.

**Question 10:** weeks/in France/spend/I/will/next year/my holiday/for two

- A. Next year I spend will my holiday in France for 2 weeks.
- B. Next year I will spend in France my holiday for 2 weeks.
- C. Next year I will spend for 2 weeks my holiday in France.
- D. Next year I will spend my holiday in France for 2 weeks.

**Hiện thị đáp án****Đáp án: D**

Giải thích: Đáp án D hợp nghĩa

Dịch: Năm tới, tôi sẽ sử dụng kì nghỉ của mình ở nước Pháp khoảng 2 tuần.

**Rewrite sentences without changing the meaning**

**Question 11:** "I am sorry but I won't do the extra work," Carol said.

- A. Carol promise not to do the extra work.
- B. Carol denied doing the extra work.
- C. Carol refused to do the extra work.
- D. Carol apologised for doing the extra work.

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: C**

Giải thích: Đáp án C hợp nghĩa

Dịch: "Tôi rất tiếc nhưng tôi sẽ không làm thêm," Carol nói.

**Question 12:** He prefers siting at home to playing outside.

- A. He would ather sit at home than play outside.
- B. He hates both siting at home and playing outside.
- C. He plays outside more often than he sits at home.
- D. He sometimes plays outside instead of siting at home.

**Hiện thị đáp án**

**Đáp án: A**

Giải thích: Đáp án A hợp nghĩa

Dịch: Anh ấy thích ngồi ở nhà hơn chơi bên ngoài.

**Question 13:** "Go home." said the teacher to us.

- A. The teacher told us to go home
- B. The teacher said us to go home

- C. The teacher told us go home
- D. The teacher told to us to go home

**Hiện thị đáp án****Đáp án: A**

Giải thích: cấu trúc tell sb to V: bảo ai làm gì

Dịch: Cô giáo bảo chúng tôi về nhà

**Question 14:** He won the first prize thanks to his good reaction.

- A. He won the first prize though he didn't react well.
- B. He thanked his good reaction after he had won the first prize.
- C. He wouldn't have won the first prize without his good reaction.
- D. He reacted well because he won the first prize.

**Hiện thị đáp án****Đáp án: C**

Giải thích: Đáp án C hợp nghĩa

Dịch: Anh đã giành giải nhất nhờ phản ứng tốt của mình.

**Question 15:** "Don't forget to clean your teeth," said Granny to Helen.

- A. Granny told Helen not forget to clean her teeth.
- B. Granny remind Helen to clean her teeth.
- C. Granny told Helen to not forget to clean her teeth.
- D. Granny said Helen not to forget to clean her teeth.

**Hiện thị đáp án****Đáp án: C**

Giải thích: cấu trúc remind sb to V: nhắc nhở ai làm gì

Dịch: Bà bảo với Helen nhớ đánh răng.